

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2021/HC-ST
Ngày 10-11-2021
V/v khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Minh Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 59/2021/TLST-HC ngày 07 tháng 7 năm 2021 về “Khiếu kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2021/QĐXXST-HC ngày 13 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2021/QĐST-HC ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 196X; địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Quang C- Công ty P, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H có mặt.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng; địa chỉ trụ sở: Đường Đ, thị trấn N, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Huy H- Chủ tịch UBND huyện T; ủy quyền cho ông Nguyễn Văn V - Phó Chủ tịch UBND huyện T đại diện (văn bản ủy quyền số 4327/QĐ-UBND ngày 20/7/2021); vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Hoàng Minh Đ, Trưởng phòng TN-MT huyện T; vắng mặt

+ Ông Vũ Đình T, Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện T; vắng mặt

+ Ông Giang Thanh T, Chuyên viên Phòng TN-MT huyện T; vắng mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Thị H; sinh năm 195Z; có mặt

+ Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 196X; có mặt

+ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 196C; vắng mặt

+ Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 196V; vắng mặt

+ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 197B; vắng mặt

+ Ông Nguyễn Văn B; sinh năm 197N; vắng mặt

+ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 197M; vắng mặt

Đều có địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H; ông Nguyễn Văn M; bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn C: Bà Dương Minh T, địa chỉ: Đường C, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng (văn bản ủy quyền ngày 12/8/2021); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo Đơn khởi kiện, lời khai tR quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:

Bố đẻ ông Nguyễn Văn C là cụ Nguyễn Văn R (chết năm 200F) sinh được 08 người con là: Nguyễn Văn R (chết năm 200H), Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn C. Trong số các con thì ông R là con của cụ R và cụ Bùi Thị R (chết năm 196T), còn lại 7 người là con của cụ R và cụ Bùi Thị K (chết năm 201V). Bố mẹ ông C khi còn sống có một mảnh đất diện tích khoảng 804m² tại thôn 8, xã K, huyện T, Hải Phòng. Trong đó, có khoảng 400 m² đất (thửa số 382, tờ bản đồ số 01) là của ông bà nội ông C để lại và khoảng 400m² đất (thửa số 403, tờ bản đồ số 01) là do bố mẹ ông C mua lại của cụ Nhờ từ năm 1976. Năm 1982 ông R (là anh trưởng) lấy bà Bùi Thị H và được gia đình cho sinh sống cùng bà nội là Bùi Thị H trên đất. Đến năm 2001 ông R chết nhưng không có con, bà H vẫn ăn ở một mình tại mảnh đất trên đến năm 2007 thì phát sinh tranh chấp với gia đình ông R nên bà H bỏ đi ở nơi khác. Mảnh đất sau đó được cụ K về ở một thời gian rồi đóng cửa để không, thỉnh thoảng các anh em ông R qua lại thắp hương cho ông R.

Đầu năm 2021, bà H về định bán đất cho người khác, các anh chị em ông C giữ lại nên tiếp tục phát sinh tranh chấp. Ngày 29/4/2021, UBND xã K tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai thì bà H xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 224935 do UBND huyện T cấp từ năm 2007 đứng tên bà H đối với 809 m² đất, thửa số 382, tờ bản đồ số 01 xã K nói trên.

Ông C cho rằng UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất cho bà H đứng tên toàn bộ diện tích đất do tổ tiên, dòng họ nhà ông để lại mà không hỏi ý kiến của cụ K và các anh chị em ông R là trái pháp luật. Do đó, ông Nguyễn Văn C đã khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 224935 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/2007 cho “Hộ bà Bùi Thị H”.

- Người bị kiện là UBND huyện T trình bày:

Theo hồ sơ cấp giấy CNQSD đất của bà Bùi Thị H, người đứng tên chủ sử dụng thửa đất số 382 diện tích 370 m² và thửa số 403 diện tích 385m² (theo sổ mục kê đất đai năm 1985 do UBND xã K quản lý, tại quyền số 01, tờ bản đồ số 01) là ông Nguyễn Văn R (chồng bà H).

Ngày 20/8/2007 bà Bùi Thị H có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND xã K xác nhận. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị H, kết quả kiểm tra, xác minh của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất, kết quả thẩm định và đề xuất của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, ngày 31/12/2007 Ủy ban nhân dân huyện T đã cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Bùi Thị H, diện tích 809m² tại thửa đất số 382, tờ bản đồ số 01, xóm 8, xã K, huyện T, Hải Phòng số seri AL224935, sổ vào sổ H 101968 theo đúng theo quy định pháp luật.

Về trình tự thủ tục cấp Giấy CNQSD đất đã đảm bảo đúng qui định của pháp luật, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa liên quan là bà Bùi Thị H trình bày:

Ông Nguyễn Văn R là con riêng của cụ Nguyễn Văn R, do cụ Bà thân sinh ra ông R mất sớm nên cụ R đã lấy cụ K. Ông R được ông bà nội là cụ Nguyễn Văn O và cụ Bùi Thị H nuôi dưỡng từ nhỏ. Bà kết hôn với ông Nguyễn Văn R vào năm 1982 và ở cùng bà nội là cụ Bùi Thị H (cụ O đã mất từ lâu) trên thửa đất ở địa chỉ thôn 8 xã K, huyện T, Hải Phòng. Cụ H chết năm 1983 thì vợ chồng bà vẫn ăn ở tại thửa đất trên nhưng không có con chung. Khi còn sống cụ O và cụ H có viết di chúc cho ông R toàn bộ diện tích đất nhưng sau đó ông R đã đốt mất. Năm 1985 ông R kê khai đứng tên sử dụng thửa đất số 382 diện tích 370 m² và thửa số 403 diện tích 385m² tR sổ mục kê. Ông R chết năm 2001, bà vẫn ăn ở sinh hoạt trên thửa đất đến năm 2007, khi bà đề nghị làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở UBND xã K thì có tranh chấp với cụ K nên UBND xã trả lại hồ sơ, bà đã gửi đơn lên UBND huyện và được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 224935 đối với 809 m² đất (gộp cả 2 thửa 382 và 403). Bà không bỏ đi khỏi nhà đất của mình mà bị anh chị em ông R đánh đuổi nên phải đi làm thuê, thỉnh thoảng mới về qua nhà hương khói cho ông R.

Cụ H đã giao lại thửa đất trên cho hai vợ chồng bà vì có công chăm sóc cụ, sau đó ông R kê khai đứng tên chủ sử dụng đất trong sổ mục kê của xã nên khi làm bìa đỏ bà không thông B cho gia đình nhà chồng về sự việc trên. Nhiều năm qua bà sống một mình, gia đình nhà chồng không quan tâm, không ai thăm hỏi gì, họ tự ý chuyển mộ chồng bà đi cũng không cho bà biết. Do gia đình nhà chồng đối xử tệ

nên bà H ít khi qua lại nhà chồng, đến đầu năm 2021 xảy ra tranh chấp với các anh chị em ông R, UBND xã hòa giải bà mới xuất trình giấy CNQSD đất. Bà H cho rằng việc UBND huyện T đã cấp giấy CNQSD đất cho bà nên phải coi là tài sản của bà. Đề nghị Tòa án xem xét hoàn cảnh để bảo vệ quyền lợi cho bà.

- Các người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn B; ông Nguyễn Văn C đồng ý với quan điểm của người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Các đương sự đã cơ bản chấp hành các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung: Việc UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tR trường hợp này là đúng thẩm quyền qui định tại Điều 52 Luật đất đai 2003. Tuy nhiên, hồ sơ đề nghị cấp Giấy CNQSD đất của bà Bùi Thị H chưa làm rõ tại sao khi gộp thửa 382 có diện tích 370m² (chủ sử dụng là Bùi Văn R) với thửa 403 có diện tích 385m² (chủ sử dụng là Nguyễn Văn R) thì diện tích lại là 809 m²; tên chủ sử dụng đất tại sổ mục kê thì ông Bùi Văn R và Nguyễn Văn R có phải là một người không? Ông Nguyễn Văn C khai 804m² đất tại thôn 8, xã K có 400m² là của ông bà nội để lại cho bố mẹ ông và 400m² còn lại do bố mẹ ông mua của cụ Nhờ từ năm 1976; bà H khai vợ chồng bà ở cùng bà nội là cụ Bùi Thị H và được cụ H cho đất vợ chồng bà. Như vậy, lời khai của các đương sự về nguồn gốc đất còn mâu thuẫn, chưa được làm rõ. Trường hợp đất là của ông R, thì khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 cho bà H, UBND huyện T không xem xét ý kiến của cụ K và những người thừa kế khác của cụ R là có thiếu sót, xâm phạm quyền lợi của các đồng thừa kế. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật TTHC; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đương sự không thống nhất quan điểm giải quyết. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 140 Luật Tố tụng hành chính; Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Căn cứ lời khai của các bên đương sự; biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được thể hiện: UBND huyện T căn cứ vào sổ mục kê năm 1985 (đất trên đứng tên ông R là chồng bà H-

chết năm 2001) để cấp Giấy CNQSD đất số AL224935, đứng tên “hộ bà Bùi Thị H”, diện tích 809m², thửa đất số 382, tờ bản đồ số 01, xóm 8, xã K, huyện T, Hải Phòng năm 2007; nhưng không hỏi ý kiến những người được hưởng thừa kế khác của ông R. Đầu năm 2021, UBND xã K hòa giải tranh chấp đất giữa các bên thì bà H mới xuất trình Giấy CNQSD đất số AL 224935 để chứng minh quyền lợi của mình. Căn cứ khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính thì Giấy CNQSD đất là quyết định hành chính và được xác định là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Tính từ ngày UBND xã Kỳ Sơn hòa giải tranh chấp đất đai giữa các bên (29/4/2021) đến người khởi kiện nộp Đơn khởi kiện (18/6/2021) là còn tR thời hiệu khởi kiện. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Tại phiên tòa, người bị kiện vắng mặt nhưng có văn bản đề nghị xử vắng mặt; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền hoặc ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác, phiên tòa đã được M lại lần thứ 3 và các người tham gia tố tụng đều được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Căn cứ Điều 157 và Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

- Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3] Tài liệu, chứng cứ thu thập được thể hiện: Diện tích đất thổ cư tại thửa số 382 và thửa số 403, tờ bản đồ số 01 xã K trước đây do cụ cố Nguyễn Văn O và cụ cố Bùi Thị H (bố mẹ đẻ cụ Nguyễn Văn R) quản lý sử dụng, cụ O chết đã lâu, cụ H chết năm 1983. Cụ Nguyễn Văn R (chết năm 2004) sinh được 08 người con, tR đó ông Nguyễn Văn R (chết năm 2001) là con của cụ R và cụ cả Bùi Thị R, còn lại 7 người là con của cụ R và cụ hai Bùi Thị K (chết năm 2014). Năm 1982 ông R kết hôn với bà Bùi Thị H và sinh sống cùng cụ H, đến năm 2001 ông R chết nhưng không có con, bà H tiếp tục quản lý, sử dụng thửa đất. Năm 2007, UBND huyện T cấp Giấy CNQSD đất diện tích 809m², thửa đất số 382, tờ bản đồ số 01, tại xóm 8, xã K, huyện T, Hải Phòng số seri AL224935, sổ vào sổ H 101968, đứng tên “hộ bà Bùi Thị H”, nhưng không hỏi ý kiến cụ K và các em ông R. Các đương sự đều công nhận hoặc không phản đối nội dung nêu trên; căn cứ Điều 79 Luật tố tụng hành chính; Hội đồng xét xử xác định đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[4] Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Theo qui định của Luật đất đai năm 2003 thì UBND cấp huyện có thẩm quyền cấp Giấy CNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân. Theo đó, UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 224935 ngày 31/12/2007 đứng tên “hộ bà Bùi Thị H” là đúng thẩm quyền. Các đương sự cũng không khiếu nại về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính nói trên.

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định:

[5] Tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai năm 2003 qui định: “...

1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp mà có một tR các loại giấy tờ sau đây thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

.. b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên tR sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;

c) Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất;...”

[6] Theo sổ mục kê năm 1985 mà UBND huyện T sử dụng làm căn cứ cấp Giấy CNQSD đất cho bà H thì thửa số 382, diện tích 370 m², đứng tên *Bùi Văn R*; thửa số 403, diện tích 383 m², đứng tên *Nguyễn Văn R*. Theo hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất do UBND huyện cung cấp thì không có tài liệu nào thể hiện ông *Bùi Văn R* và ông *Nguyễn Văn R* là một người. Mặt khác, cả 2 thửa đất gộp lại thì diện tích là 753 m², nhưng diện tích ghi tR giấy CNQSD đất thì 2 thửa đất gộp thành một thửa lại là 809 m² (tăng 56 m²). Như vậy, diện tích tăng 56 m² trên là do sai số khi đo đạc hay người sử dụng đất đã nhận chuyển quyền hoặc lấn chiếm từ người khác cũng chưa được UBND huyện T làm rõ.

[7] Ông C khai: Diện tích đất cổ O và cổ H sử dụng do cha ông để lại ban đầu chỉ có khoảng 400 m², sau đó bố mẹ ông là cụ R và cụ K mua thêm của cụ Nờ khoảng 400 m² vào năm 1976. Bà H khai đất là của cổ O và cổ H tự bỏ tiền mua thêm 400 m² vào năm 1976 chứ không phải cụ R mua, sau đó tặng cho vợ chồng bà. Như vậy, diện tích đất tăng thêm 400 m² vào năm 1976 có phải do cụ R và cụ K mua thêm hay không? Cổ O và cổ H có cho vợ chồng bà H toàn bộ diện tích đất trên hay không cũng chưa được UBND huyện T làm rõ.

[8] Ông *Nguyễn Văn R* đứng tên tR sổ mục kê năm 1985 nhưng không có tài liệu, chứng cứ thể hiện cụ H và cụ O đã cho đất ông R hoặc ông R đã được hưởng thừa kế hợp pháp thửa đất trên. Việc UBND huyện T chỉ căn cứ vào người đứng tên tR sổ mục kê năm 1985 (không phải *sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính*) để cấp Giấy CNQSD đất cho bà H là chưa đúng qui định tại điểm c khoản 1 Điều 50 Luật đất đai.

[9] Bà H khai: Năm 2007 bà đề nghị UBND xã làm thủ tục cấp Giấy CNQSD đất thì gia đình bên chồng ngăn cản nên UBND xã K trả lại hồ sơ, sau đó bà gửi hồ sơ lên UBND huyện T và được chấp nhận. Xét hồ sơ cấp Giấy CNQSD đất do UBND huyện T cung cấp có ghi tại phần xác nhận của UBND xã K *đất không có tranh chấp* là mâu thuẫn với chính việc UBND xã trả lại hồ sơ như bà H đã khai ở trên. Như vậy, UBND huyện T đã cấp Giấy CNQSD đất cho bà H khi đang có tranh chấp đất đai giữa bà H và thành viên gia đình ông R như trên là trái với qui định tại khoản 1 Điều 50 Luật đất đai.

[10] UBND huyện T cho rằng ông R đứng tên tR sổ mục kê năm 1985 nên sau khi ông R chết năm 2001 thì bà H là vợ được thừa kế và có quyền đứng tên trên Giấy CNQSD đất. Tuy nhiên, theo qui định tại các điều 675, 676 và 679 Bộ Luật dân sự năm 2005; ông R chết năm 2001 sẽ phát sinh quyền thừa kế của bà H, cụ R và cụ K (là mẹ kế có công nuôi dưỡng ông R từ khi chưa đầy 2 tuổi) đối với

di sản là quyền sử dụng đất của ông R. Khi cụ R chết năm 2004 thì các con của cụ (em ruột ông R) sẽ được kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003; trường hợp này bà H chỉ được cấp Giấy CNQSD đất khi cung cấp được *Giấy tờ hợp pháp về thừa kế quyền sử dụng đất*, tức là phải có sự đồng ý của các em ruột ông R để bà H được hưởng thừa kế toàn bộ thừa đất. Việc các cơ quan chuyên môn (UBND xã Kĩ Sơn, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và Phòng TN-MT huyện) tham mưu cho UBND huyện T cấp giấy CNQSD đất cho bà H khi chưa hỏi ý kiến những người được hưởng thừa kế khác của ông R như trên là trái qui định của pháp luật.

[11] Từ những phân tích tại mục [5] đến mục [10] thấy: UBND huyện T tiến hành các thủ tục cấp Giấy CNQSD đất số AL 224935 ngày 31/12/2007 đứng tên “hộ bà Bùi Thị H” là chưa bảo đảm đúng trình tự, thủ tục; vi phạm qui định tại các điểm b, c khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003; các điều 675, 676 và 679 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 48 và Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện để hủy Giấy CNQSD đất nói trên. Việc hủy Giấy CNQSD đất tR trường hợp này không làm mất đi quyền thừa kế hợp pháp đối với di sản của ông R để lại. Các đương sự là người được hưởng thừa kế từ ông R có thể thực hiện quyền của mình theo thủ tục tố tụng dân sự.

[12] *Về án phí hành chính sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 32; khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ các điểm b, c khoản 1 Điều 50 Luật đất đai 2003; các điều 675, 676 và 679 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 48 và Điều 135 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 224935 do UBND huyện T cấp ngày 31/12/2007 đứng tên “hộ bà Bùi Thị H” đối với diện tích 809 m² đất, tại thửa số 382, tờ bản đồ số 01 xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng.

2. *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; UBND huyện T phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại ông Nguyễn Văn C số tiền tạm ứng án phí đã nộp

theo Biên lai số 0018971 ngày 07 tháng 7 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo tR thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo tR hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Hạnh